

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 426/2024/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2024, giữa:

- *Nguyên đơn*: Ông Mai Đăng N, sinh năm: 1964.

- *Bị đơn*: Bà Phan Thị L, sinh năm: 1965.

Cùng địa chỉ: ấp L, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 29, 33, 38, 59, 62 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào các Điều 12, 14, 15, 26 và điểm đ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 04 tháng 02 năm 2025.

XÉT THẤY:

Việc thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành ngày 04 tháng 02 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của ông Mai Đăng N và bà Phan Thị L.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1- Ông Mai Đăng N và bà Phan Thị L thống nhất xác định thửa đất số 1519, tờ bản đồ số 7, diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng là 1.196m², thực đo theo hiện trạng là 1.286,5m², loại đất trồng lúa, tọa lạc tại ấp G, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh, là tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân của ông N với bà L. Hai ông bà thống nhất tự nguyện thỏa thuận chia tài sản chung này sau khi ly hôn với nhau là:

+ Ông Mai Đăng N được quyền sử dụng:

Diện tích 631,2m², thuộc một phần thửa số 1519, tờ bản đồ số 7, loại đất trồng lúa, tọa lạc ấp G, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Vị trí diện tích 631,2m² là phần A trên Sơ đồ khu đất:

- Hướng đông giáp phần còn lại của thửa số 1519 có số đo lần lượt là 5,69 mét; 5,45 mét và 63,25 mét.
- Hướng tây giáp thửa số 269A có số đo là 74,23 mét.
- Hướng nam giáp thửa số 1267 có số đo lần lượt là 4,35 mét và 5,38 mét.
- Hướng bắc giáp bờ kênh có số đo là 9,38 mét.

(Kèm theo Công văn số 32/CNHCL ngày 20/01/2024 và Sơ đồ khu đất của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh T – Chi nhánh huyện C).

+ Bà Phan Thị L được quyền sử dụng:

Diện tích 655,3m², thuộc một phần thửa số 1519, tờ bản đồ số 7, loại đất trồng lúa, tọa lạc ấp G, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Vị trí diện tích 655,3m² là phần A1 trên Sơ đồ khu đất:

- Hướng đông giáp thửa số 1518 có số đo lần lượt là 3,28 mét; 65,85 mét và 1,67 mét.
- Hướng tây giáp phần còn lại của thửa số 1519 có số đo lần lượt là 5,69 mét; 5,45 mét và 63,25 mét.
- Hướng nam giáp thửa số 1267 có số đo là 9,67 mét.
- Hướng bắc giáp bờ kênh có số đo là 9,01 mét.

(Kèm theo Công văn số 32/CNHCL ngày 20/01/2024 và Sơ đồ khu đất của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh T – Chi nhánh huyện C).

2.2- Đối với tài sản chung là một căn nhà trệt (Xây dựng tường xung quanh, vách tol, nền đất và xi măng) cùng các cây trồng gắn liền trên thửa đất số 1519, thì ông Mai Đăng N và bà Phan Thị L thống nhất tự thương lượng thỏa thuận với nhau, không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết trong cùng vụ án và không yêu cầu thẩm định, định giá nhà, cây trồng trên đất. Hai đương sự cũng thống nhất xác định không ai phải thanh toán chênh lệch giá trị phần tài sản được chia hưởng với nhau.

2.3- Để đảm bảo cho việc thi thành án, các bên đương sự phải giữ nguyên hiện trạng đất tranh chấp. Nghiêm cấm việc đào phá, hủy hoại làm thay đổi hiện trạng đất, không được chuyển nhượng hoặc thực hiện bất cứ hình thức nào khi chưa được sự cho phép của cơ quan có thẩm quyền. Khi án có hiệu lực pháp luật các bên có trách nhiệm liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục chỉnh lý, thay đổi, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

2.4- Về chi phí tố tụng:

2.4.1. Về chi phí thẩm định, định giá tài sản:

Tổng cộng là 2.726.000đ (Hai triệu bảy trăm hai mươi sáu nghìn đồng). Ông Mai Đăng N tự nguyện chịu toàn bộ và được khấu trừ vào tiền tạm ứng đã nộp xong.

2.4.2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm 1.894.000đ (Một triệu tám trăm chín mươi bốn nghìn đồng) cho ông Mai Đăng N, do ông là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí và được Tòa án chấp nhận.

Bà Phan Thị L chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 1.966.000đ (Một triệu chín trăm sáu mươi sáu nghìn đồng).

(Theo kết luận định giá của Hội đồng định giá huyện C ngày 30/12/2024 thì đất trồng lúa thửa số 1519 có giá 120.000đ/m²).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thanh Thảo